



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thiết bị Phụ Tùng Sài Gòn

Ngày 31/12/2025	8,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.3%	-1.4%	-

DT thuần Q4/25
27.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.80 -6.1%
YoY: ▲ 4.90 22.1%

LN thuần Q4/25
16.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.40 -12.6%
YoY: ▲ 6.20 60.3%

LN sau thuế Q4/25
9.96
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.19 47.2%
YoY: ▲ 1.44 16.9%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
54.3%
YoY: +/-▲ 3.8%

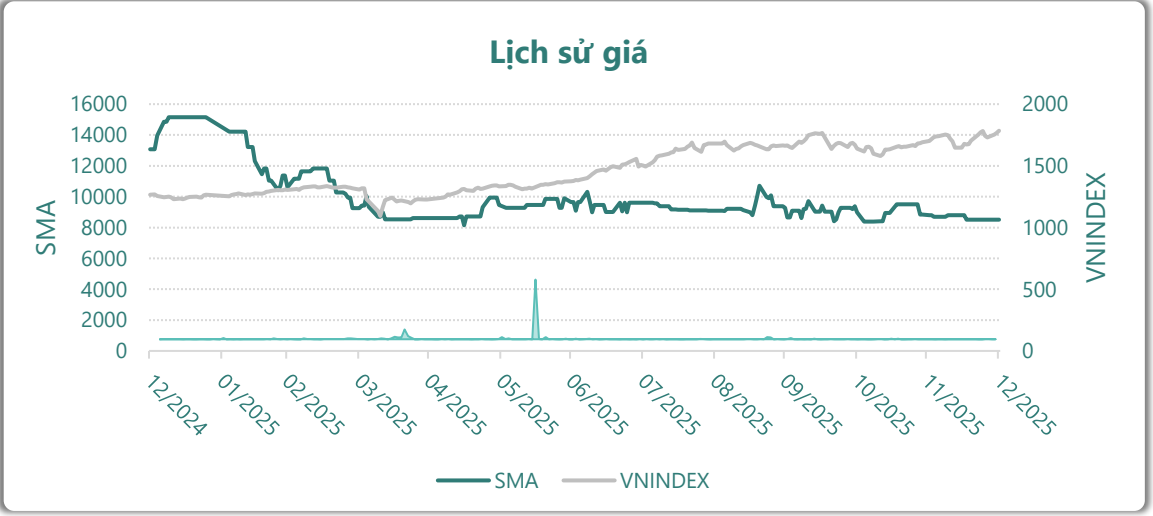
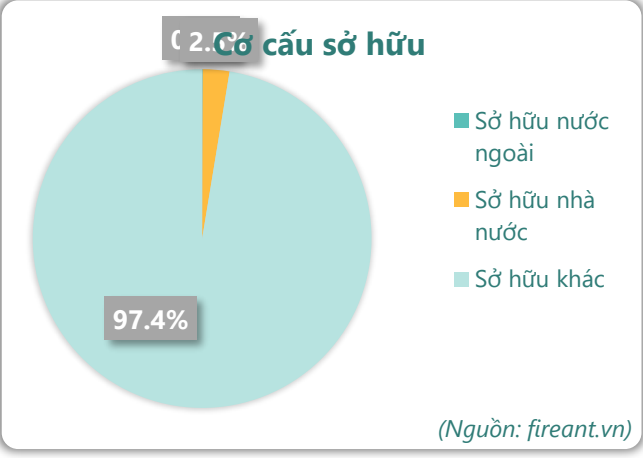
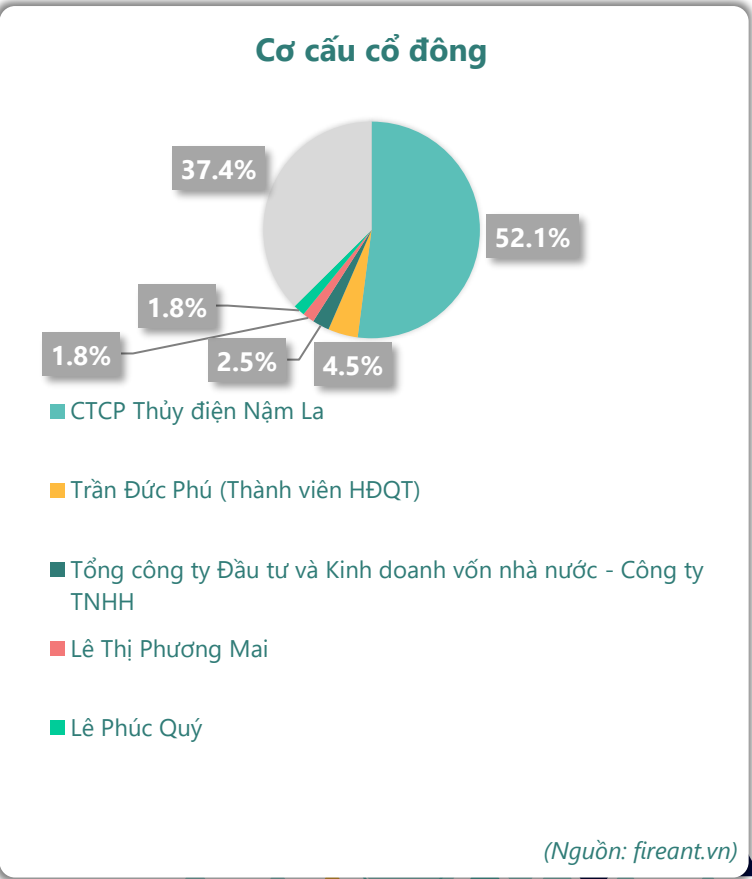
ROE 2025
5.4%
YoY: +/-▼ 0.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,144 - 15,153
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	173
Số lượng CPLH (CP)	20,352,836
KLGD BQ 20 phiên (CP)	605
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.10
EPS	644
P/E	13.2

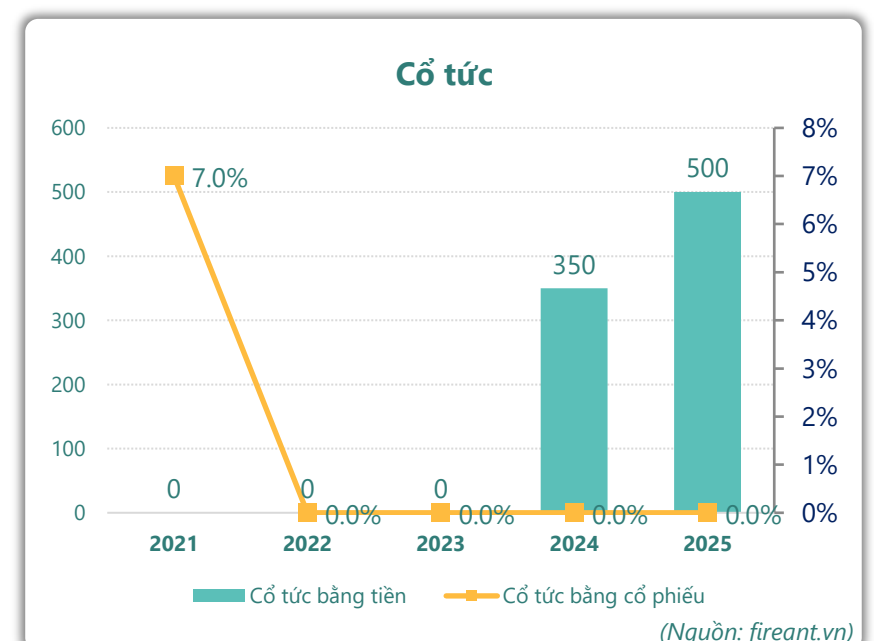
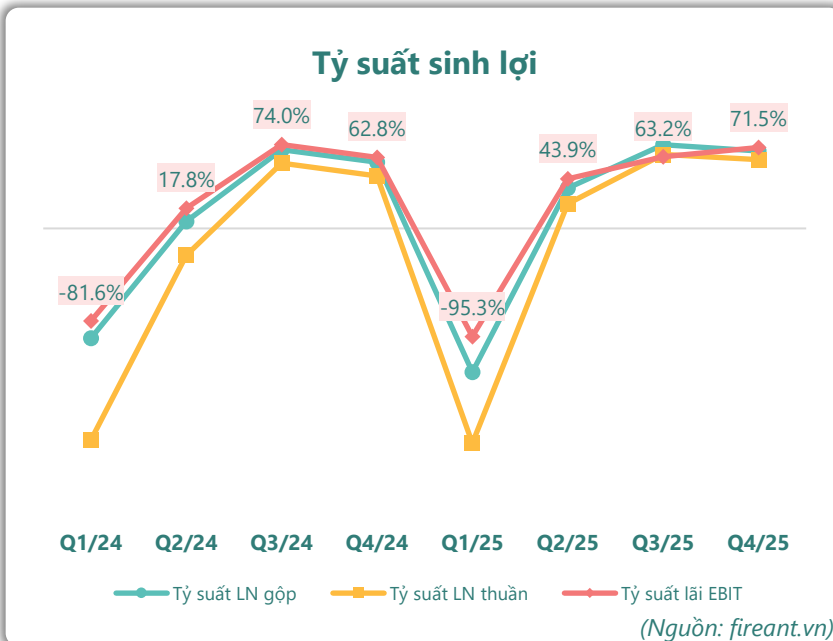
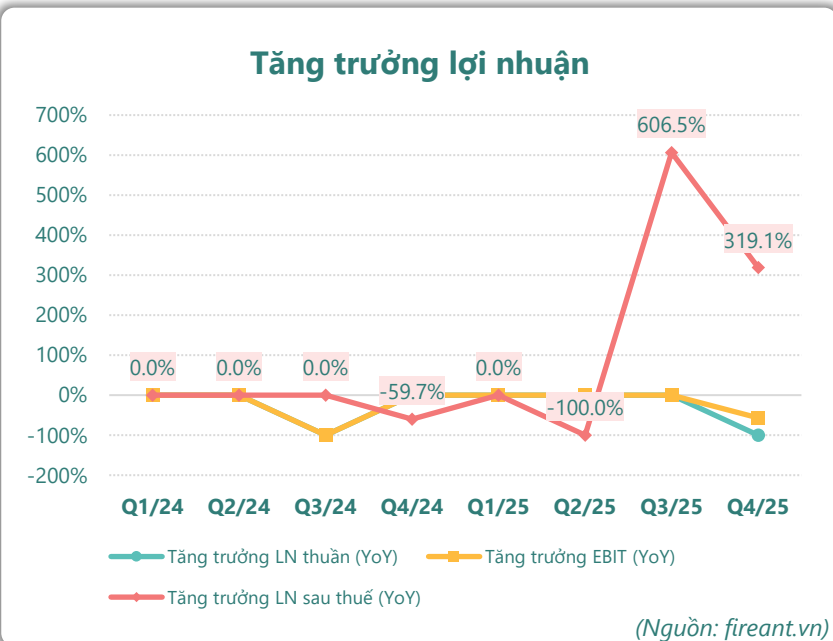
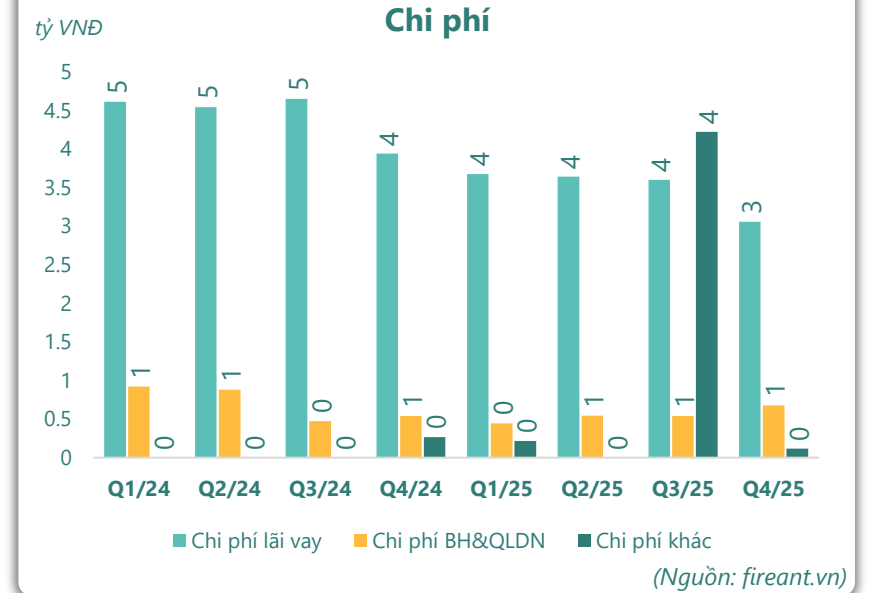
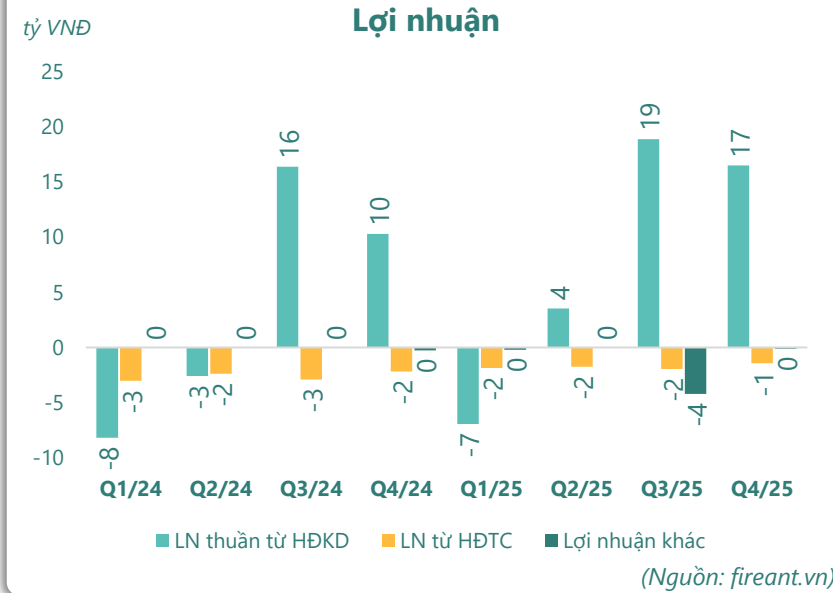
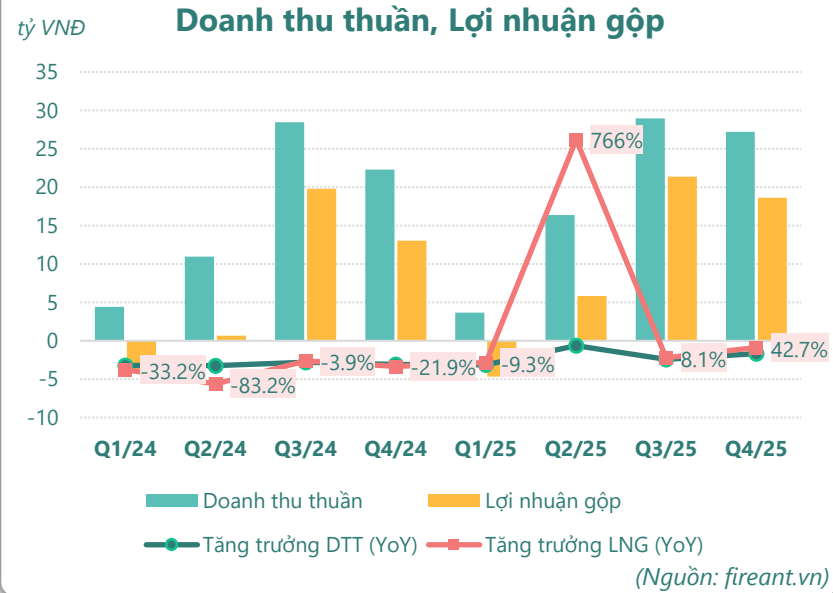
DT thuần 2025
76.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.1 15.4%

LN thuần 2025
32.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.1 101%

LN sau thuế 2025
13.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.10 0.7%



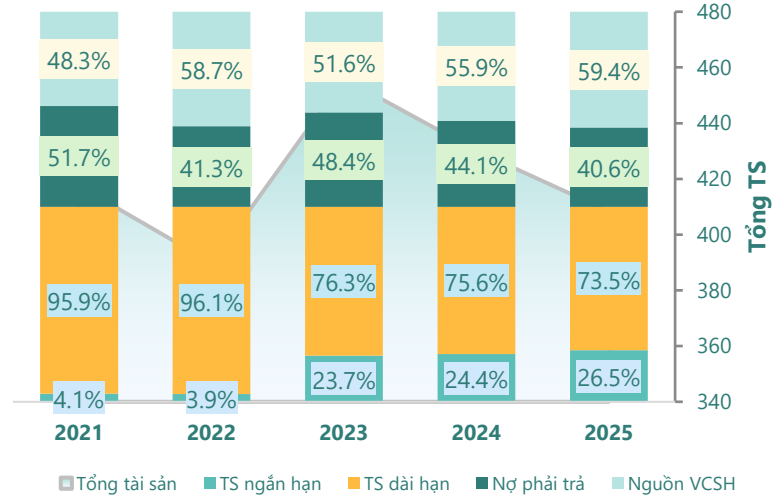
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

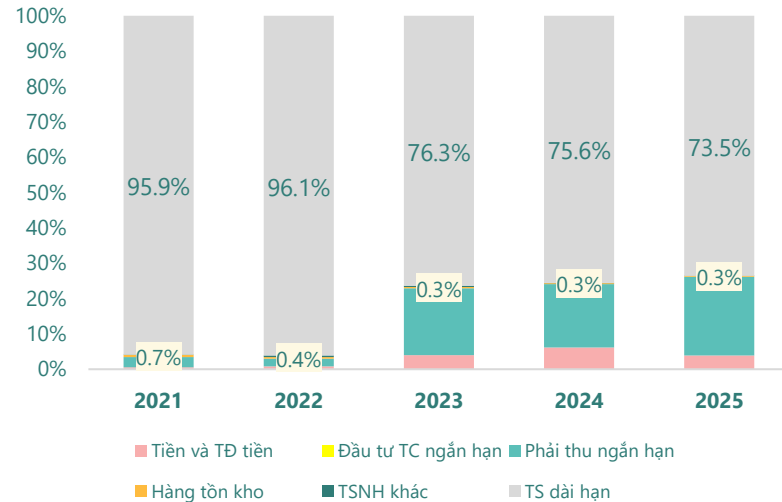
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

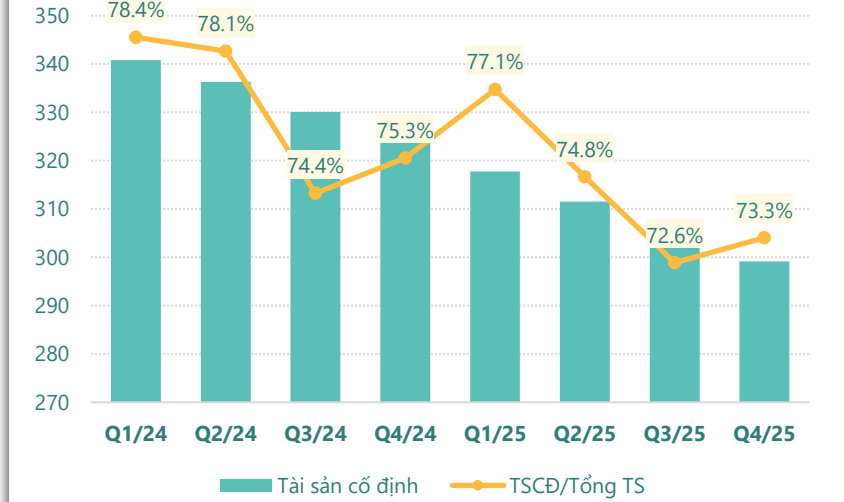
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

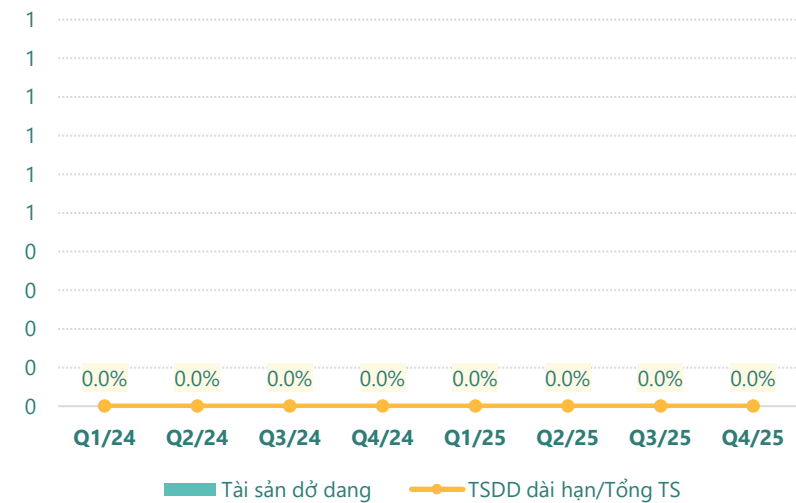
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

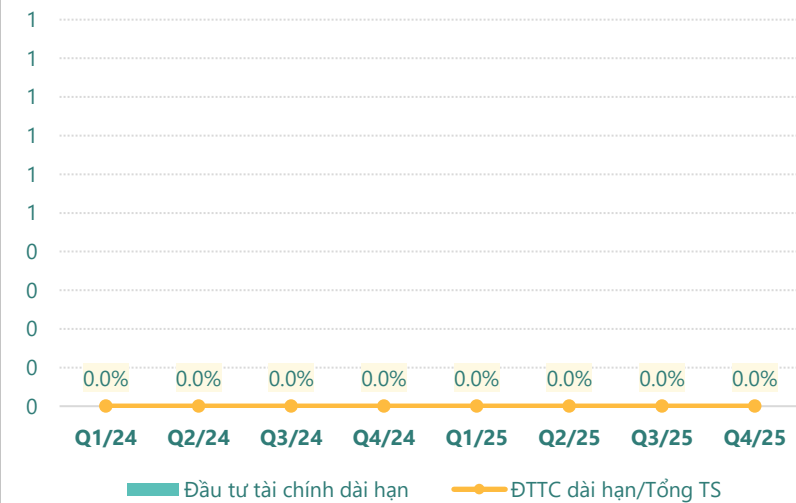
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

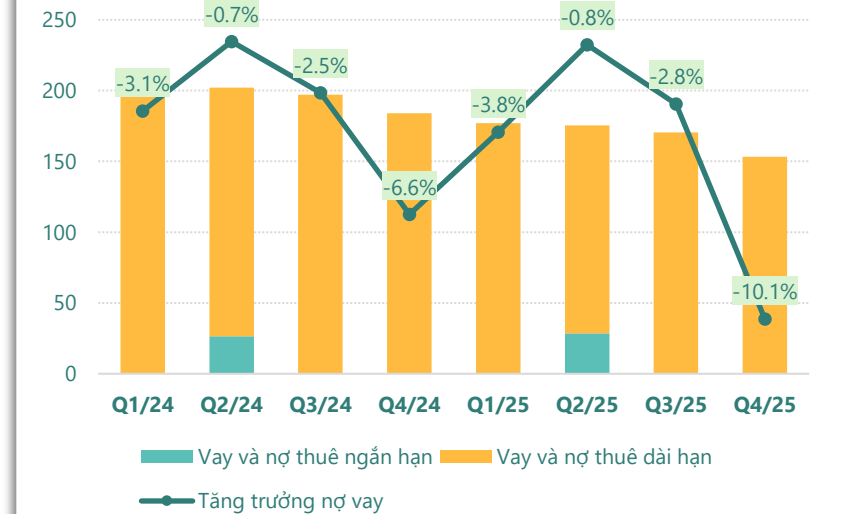
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

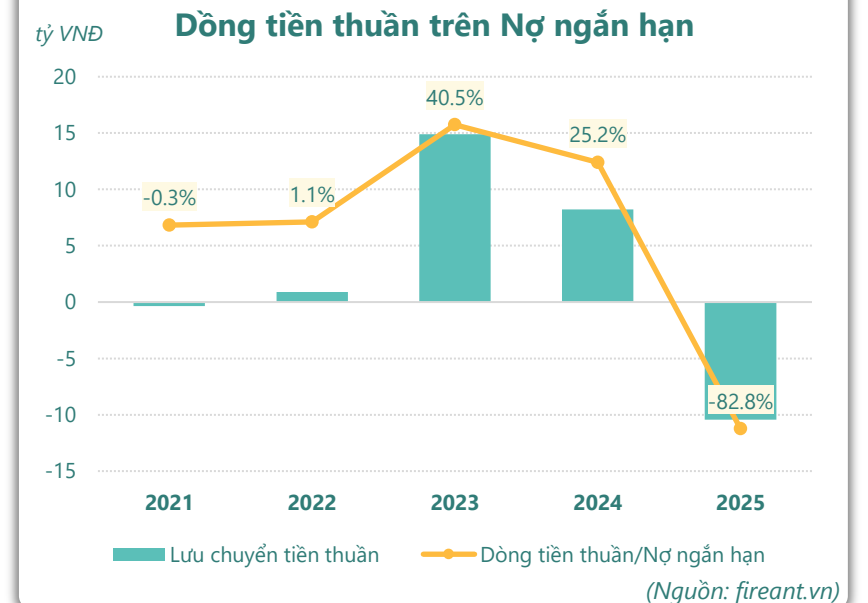
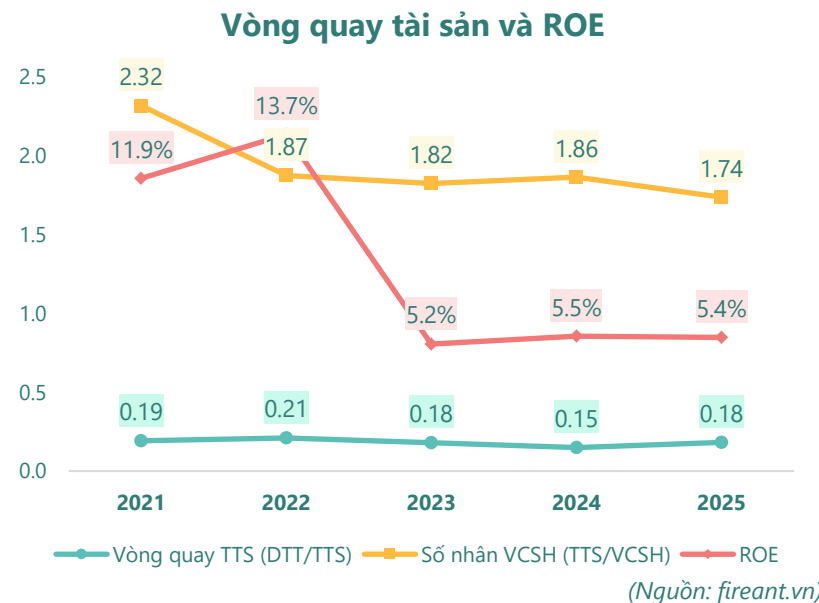
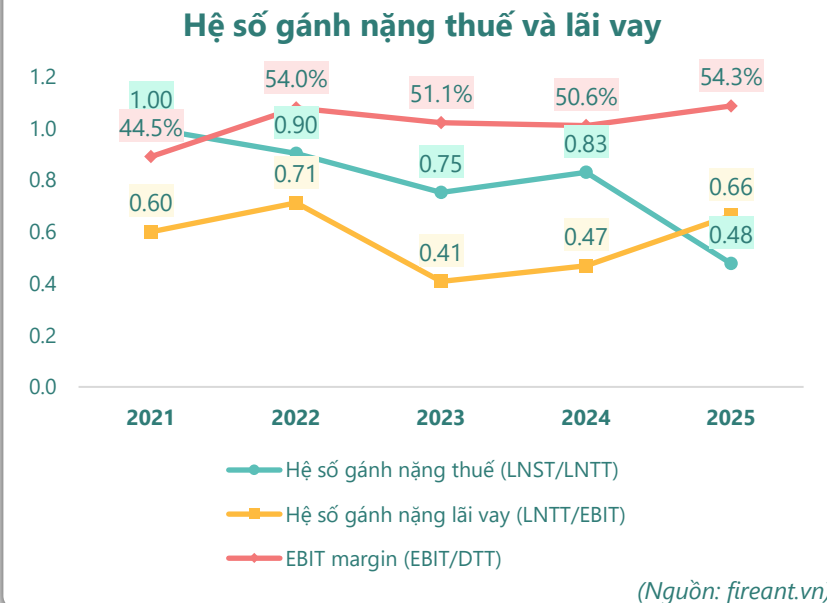
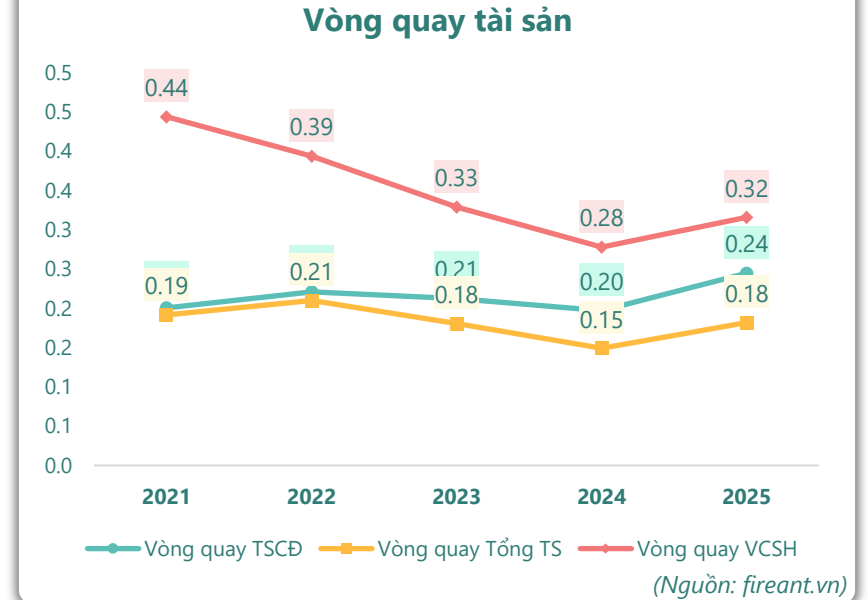
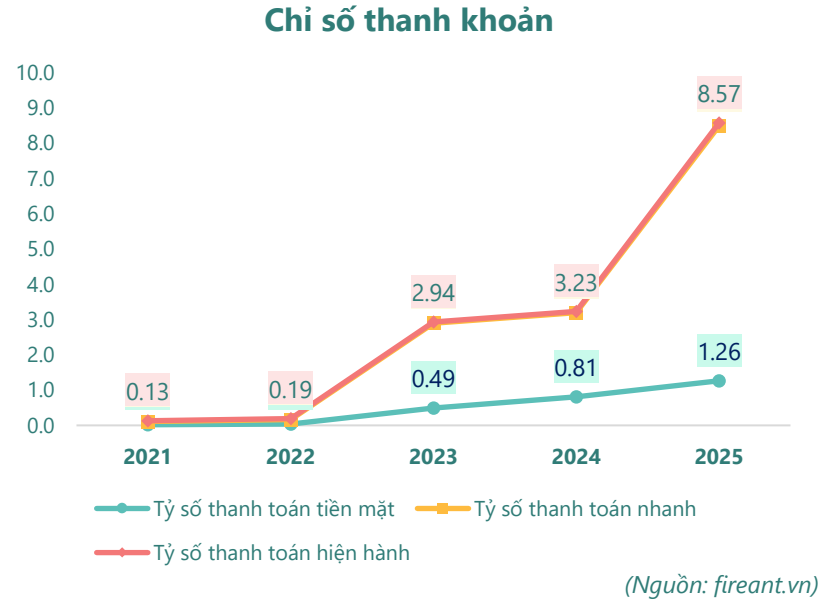
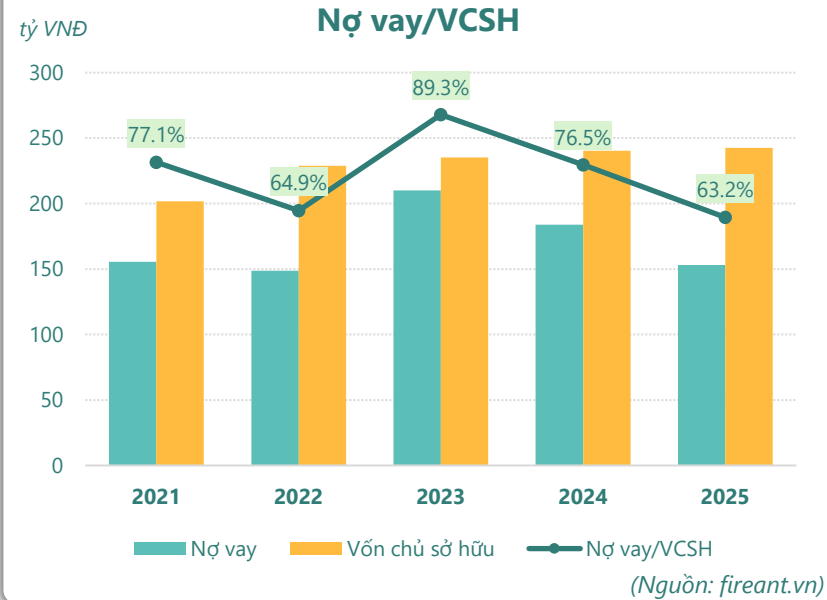
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	27.2	22.3	22.1%	76.2	66.1	15.4%
Giá vốn hàng bán	8.61	9.25	-6.9%	35.0	36.9	-4.9%
Lợi nhuận gộp	18.6	13.0	43.2%	41.2	29.2	40.9%
Doanh thu HĐTC	1.64	1.76	-6.7%	7.01	7.26	-3.4%
Chi phí TC	3.06	3.94	-22.3%	14.0	17.8	-21.2%
Chi phí lãi vay	3.06	3.94	-22.3%	14.0	17.8	-21.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	0.68	0.54	25.8%	2.21	2.82	-21.7%
LN thuần từ HĐKD	16.5	10.3	60.3%	32.0	15.9	101%
Lợi nhuận khác	-0.12	-0.26	55.8%	-4.56	-0.26	-1647%
LN trước thuế	16.4	10.1	62.4%	27.5	15.7	75.3%
Lợi nhuận sau thuế	9.96	8.52	16.9%	13.1	13.0	0.7%
LNST của CĐ cty mẹ	9.96	8.52	16.9%	13.1	13.0	0.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	14.2	20.6	-3.15	-5.15	13.1	12.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.62	-1.14	-3.21	15.2	-5.63	6.21
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.00	-20.0	-7.03	-1.51	-4.96	-27.2
Tiền đầu kỳ	15.1	26.9	26.4	13.0	21.5	24.0
Lưu chuyển tiền thuần	11.8	-0.52	-13.4	8.54	2.54	-8.12
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	26.9	26.4	13.0	21.5	24.0	15.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	408	430	-5.0%
Tài sản ngắn hạn	108	105	2.9%
Tiền và tương đương tiền	15.9	26.4	-39.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	90.8	77.3	17.5%
Hàng tồn kho	1.08	1.22	-11.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.21	0.15	38.9%
Tài sản dài hạn	300	325	-7.6%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	299	324	-7.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.18	1.10	6.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	166	190	-12.6%
Nợ ngắn hạn	12.6	32.5	-61.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	27.0	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.01	0.09	-92.4%
Nợ dài hạn	153	157	-2.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	153	157	-2.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	243	240	0.9%
Vốn chủ sở hữu	243	240	0.9%
Vốn điều lệ	204	204	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

